ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

**TRƯỜNG MẦM NON 12**

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN THÁNG 3/2023**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MỤC TIÊU THÁNG** | **NỘI DUNG THÁNG** | **NỘI DUNG**  **CHỦ ĐỀ** | **HÌNH THỨC**  **THỰC HIỆN** | | | | | **THỜI GIAN** |
| **SH** | **GH** | **VCTL** | **VCNT** | **MLMN** |
| 1. **PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** | | | | | | | | |
| ***a/ Phát triển vận động :*** | | | | | | | | |
| **- Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi**.  **- Trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp**  + Trẻ thực hiện đủ các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp trong bài tập thể dục theo hướng dẫn của giáo viên. | - Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng (cơm, thịt, cá, trứng, sữa, rau, củ, quả,...)  - Tập luyện các bài tập thể dục thường xuyên đều đặn theo sự hướng dẫn của giáo viên.  - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ (biết che miệng khi ho, hắt hơi, ăn chín uống sôi,..)  - Giữ gìn sức khỏe và an toàn trong sinh hoạt hàng ngày (không ra đứng gần cầu thang, lan can một mình khi không có người lớn bên cạnh,...)  + Hô hấp: Hít vào, thở ra  + Tay: Hai tay dang ngang hai bên, gập khủy tay, bắt chéo hai tay trước ngực.  + Chân: Ngồi xổm, đứng lên.  + Bụng: Hai tay đưa lên cao, cúi xuống, đứng lên.  + Bật: Bật chụm tách chân |  | X  X  X  X  X  X  X  X | X  X  X  X  X  X |  | X | X  X  X | Suốt tháng  Tuần  1 - 4 |
| **- Trẻ thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động**  + Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể  + Trẻ kiểm soát được vận động đi và chạy.  + Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.  + Trẻ phối hợp tay - mắt trong vận động | - Đi kiễng gót liên tục 3m  - Ném xa bằng 1 tay, chạy nhanh 10m  - Trườn về phía trước 2-3m  - Chuyền bắt bóng qua 2 bên |  | X | X  X  X  X |  | X  X |  | Tuần 4  Tuần 2  Tuần 1  Tuần 3 |
| **- Trẻ có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. Phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.**  + Trẻ thực hiện được các vận động (Xoay tròn cổ tay, gập, đan ngón tay vào nhau,...)  + Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động | - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.  - Cài, cởi cúc theo sự chỉ dẫn của giáo viên  - Tô vẽ nguệch ngoạc theo ý thích |  | X  X  X | X | X  X |  |  | Suốt tháng |
| ***b/ Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe :*** | | | | | | | | |
| **- Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe**  + Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày.  + Trẻ biết ăn để chống lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. | - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.  + Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt,cá, trứng, sữa, rau,...)  + Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày: bánh bao, trứng chiên, canh rau, phở gà, bánh giò,...  + Biết món cơm, món mặn, món canh và món tráng miệng.  + Biết một số rau củ quả được dùng chế biến trong bữa ăn (bí xanh, cà rốt, rau cải, dưa hấu,...)  - Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.  + Bé tự xúc ăn hết suất, ăn nhiều đồ ăn đa dạng. |  | X  X |  | X  X |  | X  X | Suốt tháng |
| **- Trẻ làm được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt và giữ gìn sức khoẻ**  + Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn (rửa tay, lau mặt đúng cách; cất áo quần, balô, giày dép đúng chổ).  + Trẻ sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. | - Tập rửa tay bằng xà phòng  + Dạy trẻ biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.  - Tập lau mặt đúng cách  + Dạy trẻ cách lau mặt đúng cách và tự bỏ khăn dơ đúng chổ sau khi lau xong.  - Tập trẻ tự giác đi vệ sinh đúng chổ khi bản thân có nhu cầu.  - Tập trẻ biết cầm ly, muỗng, chén đúng cách để không bị rơi vỡ (Sử dụng cầm thìa bằng tay phải, cầm bát bằng tay trái, cầm cốc ở quai đúng kí hiệu). |  | X  X  X  X |  |  |  | X  X  X  X | Suốt tháng |
| **- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khoẻ.**  + Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở.  + Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở. | - Cất tô, dĩa và thức ăn thừa đúng chổ.  - Có một số thói quen kỹ năng tốt trong ăn uống như :  + uống nước chín đã đun sôi  + rót vừa lượng nước đủ uống, tự uống nước khi khát  + ăn không rơi vãi thức ăn, che miệng khi ho, hắt hơi.  + ăn hết khẩu phần, không kén chọn thức ăn, không xúc thức ăn của mình qua chén bạn, nhặt thức ăn bị rơi vãi bỏ vào dĩa. |  | X  X |  |  |  |  | Suốt tháng |
| **- Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh**  + Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bếp, bàn ủi, nước đun sôi,..) khi được nhắc nhở.  + Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước,...) khi được nhắc nhở.  + Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở | - Biết nói với người lớn khi bị đau, té trầy xước, chảy máu và gọi người lớn đến giúp đỡ.  - Biết và tránh một số hành động nguy hiểm, vật dụng nguy hiểm, nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.  + Không cười đùa nói chuyện, đùa giỡn với bạn trong khi ăn.  + Không chơi đồ chơi sắc nhọn, không đứng ở cầu thang, lan can một mình. |  | X  X |  |  |  | X  X | Suốt tháng |
| 1. **PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** | | | | | | | | |
| ***a/ Khám phá khoa học:*** | | | | | | | | |
| **- Trẻ biết xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng**  + Trẻ quan tâm, hứng thú khám phá, tìm tòi, đặt câu hỏi về đối tượng | - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc  - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. |  | X  X | X  X |  |  |  | Tuần 1+4 |
| + Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. | - Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. |  |  | X | X | X |  | Trong tháng |
| + Trẻ phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu nổi bật. | Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. |  |  | X | X | X | X | Tuần  1-4 |
| **- Trẻ có khả năng phát hiện mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.**  + Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. | Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. |  |  | X |  | X |  | Tuần  1-4 |
| ***b/ Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán:*** | | | | | | | | |
| **- Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về một số khái niệm sơ đẳng về toán.**  **- Trẻ nhận biết số đếm, số lượng**  + Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.  **- Trẻ so sánh 2 đối tượng**  + Trẻ so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn, dài hơn/ngắn hơn, cao hơn/thấp hơn, bằng nhau | - Đếm số lượng trong phạm vi 4  - Thêm bớt trong phạm vi 4  - So sánh kích thước của 2 đối tượng: Dài hơn - Ngắn hơn |  | X  X  X | X  X  X | X  X  X |  | X  X | Tuần 1  Tuần 4  Tuần 3 |
| ***c/ Khám phá xã hội:*** | | | | | | | | |
| **- Trẻ nhận biết bản thân, gia đình, nhà trường, lớp mầm non và cộng đồng.**  + Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình  + Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình  + Trẻ nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình  - Tên cô, tên các bạn, tên đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường |  | X  X | X  X | X  X |  | X  X | Tuần  1-4 |
| 1. **PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** | | | | | | | | |
| ***a/ Nghe:*** | | | | | | | | |
| * **Trẻ nghe hiểu lời nói**   + Trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói và thực hiện được yêu cầu đơn giản trong giao tiếp hằng ngày. | Hiểu và thực hiện được các yêu cầu đơn giản. |  |  |  |  |  | X | Suốt tháng |
| + Trẻ nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. | - Nghe hiểu nội dung truyện kể phù hợp với độ tuổi  + Câu chuyện: Bác Gấu đen và 2 chú Thỏ, Cô bé quàng khăn đỏ, Sự tích hoa mào gà  - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.  + Bài thơ: Mưa, Cô dạy, Con sư tử |  | X  X | X  X | X  X |  |  | Tuần  1+2+4 |
| + Trẻ nghe và hiểu các từ khái quát gần gũi | Hiểu các từ khái quát chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. |  | X | X | X |  | X | Suốt tháng |
| + Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. | Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. |  |  | X |  |  | X | Suốt tháng |
| ***b/ Nói:*** | | | | | | | | |
| * **Trẻ sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày**.   + Trẻ nói rõ các tiếng.  + Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...  + Trẻ sử dụng được các từ câu đơn, câu  ghép. | - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu của bản thân bằng các câu đơn.  - Phát âm các tiếng của Tiếng Việt  - Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào?  - Sử dụng được các từ biểu thị sự lễ phép |  |  |  |  |  | X  X  X  X | Suốt tháng |
| + Trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. | Đọc đồng dao, bài thơ phù hợp độ tuổi.  + bài thơ : Cô dạy, Con sư tử, Mưa.  + đồng dao : Lộn cầu vồng |  | X |  |  |  |  | Suốt tháng |
| + Trẻ có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. | - Kể lại 1 vài tình tiết của truyện đã được nghe.  - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.  - Kể lại sự việc |  | X | X |  |  |  | Tuần  1-4 |
| + Trẻ diễn đạt rõ ràng, lễ phép, chủ động và tự tin trong cuộc sống hàng ngày | - Sử dụng các từ vâng, dạ, thưa trong giao tiếp  - Nói đủ nghe, không nói lí nhí. |  |  |  |  |  | X  X | Suốt tháng |
| ***c/ Làm quen với việc đọc - viết:*** | | | | | | | | |
| * **Trẻ có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.**   + Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.  + Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh  **+** Trẻ thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoặc. | - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh  - Làm quen với 1 số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông : đường dành cho người đi bộ)  - Giữ gìn sách |  | X  X |  | X  X  X |  | X  X  X | Suốt tháng |
| 1. **PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM - KĨ NĂNG XÃ HỘI** | | | | | | | | |
| ***a) Phát triển tình cảm*** | | | | | | | | |
| **- Trẻ thể hiện ý thức về bản thân**  + Trẻ nói được điều bé thích, không thích. | Nói được điều bé thích, không thích. |  |  | ***X*** | X  X  XX | ***X***  X | X | Suốt tháng |
| **- Trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực.**  + Trẻ mạnh dạn, tự tin tham gia vào các hoạt động, khi trả lời câu hỏi.  + Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...). | - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao  + Biết phụ cô dọn dẹp ghế sau khi ăn xong.  + Biết lấy và cất dọn đồ chơi sau khi chơi xong  + Tự lấy và cất đồ dùng cá nhân đúng chổ. |  | X  X  X |  | X  X  X | X  X  X | X  X  X | Suốt tháng |
| **- Trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh**  + Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh  + Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, tức giận. | - Nhận ra và biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, tức giận qua nét mặt, giọng nói trong các hoạt động trò chơi, hát, vận động. | **CHỦ ĐỀ: MỪNG NGÀY QUỐC TẾ PHỤ NỮ 8/3** |  |  |  |  | X | Trong tháng |
| ***b) Phát triển kỹ năng xã hội*** | | | | | | | | |
| **Trẻ có hành vi và quy tắc ứng xử xã hội**  + Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.  + Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...  + Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.  + Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. | - Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)  + Biết cất dọn đồ chơi sau khi chơi xong  - Biết chào hỏi và nói cảm ơn.  + Dạy trẻ biết chào cô và ba mẹ khi đến lớp và khi ra về.  + Biết cảm ơn khi người khác giúp đỡ  - Lắng nghe khi cô và bạn nói  - Chơi hòa thuận với các bạn  + Không giành đồ chơi với bạn  + Chia sẻ đồ chơi với bạn trong khi chơi.  - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.  - Chờ đến lượt  + Biết xếp hàng trong giờ rửa tay và lấy cơm.  + Biết xếp hàng trong các hoạt động học và vui chơi, các trò chơi có luật.  - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. |  | X  X  X  X  X  X | X | X  X  X  X  X  X | X  X  X  X  X  X | X  X  X  X  X  X | Trong tháng |
| - **Trẻ quan tâm đến môi trường**  + Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.  + Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định. | - Bỏ rác đúng nơi quy định.  + Biết nhặt rác, lá vàng bỏ vào thùng rác  + Biết nhặt cơm rơi bỏ vào thố cơm thừa hoặc thùng rác sau khi ăn xong.  - Tiết kiệm điện, nước.  + Không mở nước lớn khi rửa tay  + Biết khóa nước sau khi sử dụng  - Giữ gìn vệ sinh môi trường.  + Không xả rác bừa bãi, bỏ rác đúng nơi qui định  - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. |  | X | X  X | X  X |  | X  X  X  X | Suốt tháng |
| 1. **PHÁT TRIỂN THẨM MỸ** | | | | | | | | |
| ***a/ Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)*** | | | | | | | | |
| * **Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.**   + Trẻ thể hiện sự vui sướng, vỗ tay, chú ý, tỏ ra thích thú, sờ, ngắm,...)  + Trẻ biết chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc.  + Trẻ thể hiện sự vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình. | Bộc lộ cảm xúc: Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật  + Nói lên cảm nhận của mình khi ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật khi ra ngoài trời, xuống sân chơi.  + Nghe các bài hát, bản nhạc về động vật trong rừng và về chủ đề: Ngày Quốc tế PN 8/3 |  |  |  |  | X |  | Trong tháng |
| ***b/ Một số kĩ năng trong hoạt động*** | | | | | | | | |
| **- Trẻ có một số kĩ năng về hoạt động âm nhạc:**  + Trẻ hát tự nhiên, theo giai điệu  + Trẻ vận động nhịp nhàng theo bài hát. | - Hát theo nhịp điệu bài hát quen thuộc *(Cô và mẹ, Quà 8/3, Bông hồng tặng mẹ và cô, cho tôi đi làm mưa với, đội kèn tí hon, bé yêu biển lắm)* |  |  | X |  |  |  | Suốt tháng |
| **Trẻ có một số kĩ năng trong hoạt động tạo hình** (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình). | Sử dụng 1 số kĩ năng vẽ, nặn, xếp hình để tạo nên sản phẩm đơn giản  + Biết xé băng keo để dán tạo thành sản phẩm  - Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.  - Biết nhận xét sản phẩm tạo hình |  | X  X | X  X  X | X  X |  |  | Tuần  1-3  Suốt tháng |
| ***c/ Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)*** | | | | | | | | |
| **- Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).**  + Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc  + Trẻ tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | - Vận động theo ý thích các bài hát quen thuộc  - Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. |  | X  X |  | X  X |  | X  X | Suốt tháng |